

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Tài chính trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;*

*Căn cứ Kế hoạch số 316/KH-UBND ngày 25/10/2022 của UBND tỉnh về việc rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 2702/TTr-SCT ngày 15/8/2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Tài chính trên địa bàn tỉnh Bình Phước (*Phụ lục kèm theo*).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận :**

- Cục KSTTHC (VPCP);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP; Các phòng, ban, TT;
- Lưu: VT, P.KSTTHC.

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Tuyết Minh**

**PHỤ LỤC**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ TRONG HỆ THỐNG HÀNH CHÍNH**  
**NHÀ NƯỚC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA**  
**NGÀNH TÀI CHÍNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày .... tháng... năm 2023  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)*

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ**

<b>STT</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Lĩnh vực</b>	<b>Cơ quan thực hiện</b>
1	Xét duyệt quyết toán ngân sách đối với đơn vị dự toán cấp 1 và khối An ninh quốc phòng.	Ngân sách	Sở Tài chính
2	Lập dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương hằng năm.	Ngân sách	Sở Tài chính
3	Thẩm định quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách (Quyết toán theo niên độ).	Đầu tư	Sở Tài chính
4	Thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo Thông tư số 58/2016/TT-BTC, Thông tư số 68/2022/TT-BTC (xây dựng thủ tục ở bước Sở Tài chính có báo cáo thẩm định KHLCNT).	Tài sản công	Sở Tài chính

## PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG TTHC NỘI BỘ

### 1. Lĩnh vực Ngân sách: Thủ tục “Xét duyệt quyết toán ngân sách đối với đơn vị dự toán cấp 1 và khối an ninh quốc phòng”

#### a) Trình tự thực hiện:

*Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 trong tuần (trừ ngày lễ, ngày nghỉ)*

*Địa điểm tiếp nhận: Sở Tài chính tỉnh Bình Phước, 628 Quốc lộ 14, Phường Tân Phú, Thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước*

Các bước thực hiện như sau:

**Bước 1:** Bộ phận Văn thư - Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ đề nghị xét duyệt quyết toán của các cơ quan, đơn vị; chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ trong vòng 0,5 ngày làm việc;

**Bước 2:** Lãnh đạo Phòng chuyên môn tiếp nhận hồ sơ phân công chuyên viên xử lý hồ sơ trong vòng 0,5 ngày làm việc;

#### **Bước 3:** Xử lý hồ sơ (24 ngày làm việc)

- Cán bộ được phân công thụ lý tiến hành thẩm định hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, trong vòng 22 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ từ Bộ phận Văn thư, cán bộ thụ lý hồ sơ dự thảo văn bản trình lãnh đạo phòng chuyên môn xem xét.

- Lãnh đạo Phòng xem xét dự thảo văn bản trình Lãnh đạo Sở Phê duyệt trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ từ Phòng chuyên môn.

+ *Trường hợp đơn vị dự toán cấp I đồng thời là đơn vị sử dụng ngân sách, Sở Tài chính thực hiện xét duyệt và thông báo kết quả xét duyệt quyết toán năm.*

+ *Trường hợp đơn vị dự toán cấp I có đơn vị trực thuộc, Sở Tài chính sẽ phối hợp kiểm tra theo quy định và thực hiện thẩm định quyết toán năm.*

**Bước 4:** Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt chuyên Văn thư phát hành trong thời gian 02 ngày làm việc.

**Bước 5:** Bộ phận Văn thư phát hành văn bản gửi các cơ quan, đơn vị đề nghị quyết toán trong vòng 01 ngày làm việc.

**b) Cách thức thực hiện:** nộp trực tiếp, trực tuyến (qua hệ thống quản lý văn bản One-Win SYS) hoặc qua dịch vụ bưu chính.

#### c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Công văn đề nghị của đơn vị: 01 Bản chính.

+ Báo cáo quyết toán ngân sách năm nộp theo thời gian và mẫu biểu của Bộ Tài chính có thuyết minh, đầy đủ chữ ký của lãnh đạo đơn vị dự toán: 01 Bản chính.

+ Các hồ sơ khác có liên quan xét duyệt, thẩm định quyết toán của các đơn vị dự toán cấp I đối với đơn vị trực thuộc (nếu có): 01 Bản chính.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**d) Thời hạn giải quyết: 27 ngày làm việc** kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Đơn vị dự toán cấp 1 và khối an ninh quốc phòng.

**e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Sở Tài chính

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Thông báo xét duyệt/thẩm định quyết toán.

**h) Phí, lệ phí:** chưa có quy định

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

- Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 về quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo, và tổng hợp quyết toán năm;

## **2. Lĩnh vực ngân sách: Thủ tục “Lập dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương hằng năm”**

### **a) Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** Căn cứ các văn bản: Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015 của Quốc Hội; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính; Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND; Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước; Thông tư của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hàng năm), Sở Tài chính sẽ có Công văn hướng dẫn lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước hằng năm và kế hoạch tài chính 03 năm.

**Bước 2:** Các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước sẽ lập dự toán toán thu, chi ngân sách nhà nước hằng năm và kế hoạch tài chính 03 năm gửi về Sở Tài chính theo thời gian do Sở Tài chính yêu cầu.

**b) Cách thức thực hiện:** Trực tiếp, trực tuyến và qua dịch vụ bưu chính.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Công văn đề nghị của đơn vị;

+ Các biểu mẫu theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính hằng năm.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời gian giải quyết:** Không quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.

### **e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài chính tỉnh Bình Phước.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương, tỉnh Bình Phước.

**h) Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Các biểu mẫu theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính hằng năm (*thay đổi hằng năm*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định.

### **l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

- Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách;

- Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách của các cấp ở địa phương thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025, tỉnh Bình Phước; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022;

- Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành Quy định về định mức phân bổ chi ngân sách địa phương năm 2022, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025, tỉnh Bình Phước;

- Căn cứ Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hằng năm, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm.

### **3. Lĩnh vực đầu tư: Thủ tục “Thẩm định quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách (Quyết toán theo niên độ)”**

#### **a) Trình tự thực hiện:**

*Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 trong tuần (trừ ngày lễ, ngày nghỉ)*

*Địa điểm tiếp nhận: Sở Tài chính tỉnh Bình Phước, 628 Quốc lộ 14, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.*

**Bước 1:** Bộ phận Văn thư - Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ đề nghị xét duyệt quyết toán của các cơ quan, đơn vị; chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ trong vòng **0,5** ngày.

**Bước 2:** Lãnh đạo Phòng chuyên môn tiếp nhận hồ sơ phân công chuyên viên xử lý hồ sơ trong vòng **01** ngày.

**Bước 3:** Xử lý hồ sơ (**26** ngày).

- Cán bộ được phân công thụ lý tiến hành thẩm định hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, trong vòng 23 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ từ Bộ phận Văn thư, cán bộ thụ lý hồ sơ dự thảo văn bản trình Lãnh đạo Phòng chuyên môn xem xét.

- Lãnh đạo Phòng xem xét dự thảo văn bản trình Lãnh đạo Sở phê duyệt trong thời gian 03 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ từ Phòng chuyên môn.

**Bước 4:** Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt chuyển Văn thư phát hành trong thời gian **02** ngày.

**Bước 5:** Bộ phận Văn thư phát hành văn bản gửi các cơ quan, đơn vị đề nghị quyết toán trong vòng **0,5** ngày.

**b) Cách thức thực hiện:** nộp trực tiếp, trực tuyến (qua hệ thống quản lý văn bản One-Win SYS) hoặc qua dịch vụ bưu chính.

#### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- *Thành phần hồ sơ:*

+ Công văn đề nghị thẩm định của đơn vị: 01 Bản chính;

+ Báo cáo tổng hợp quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách do địa phương quản lý, Báo cáo thực hiện vốn đầu tư các dự án quan trọng quốc gia sử dụng vốn ngân sách nhà nước (nếu có) đối với các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND huyện là cơ quan tổng hợp: 01 Bản chính;

+ Báo cáo quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách, Báo cáo thực hiện vốn đầu tư các dự án quan trọng quốc gia sử dụng vốn ngân sách nhà nước (đối với các chủ đầu tư là Sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Ban QLDA cấp tỉnh): 01 Bản chính.

- *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

**d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày** kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- d) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Các chủ đầu tư
- e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Sở Tài chính
- g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Thông báo thẩm định quyết toán.

**h) Phí, lệ phí (nếu có):** chưa có quy định

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** 01/QTNĐ, 02/QTNĐ, 04/QTNĐ, 05/QTNĐ kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán (*đính kèm Quyết định*)

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

+ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;







- Theo cơ chế thu, ghi chi																			
- Theo cơ chế tài chính trong nước																			
2.2.2 Chương trình MTQG...																			
2.3 Vốn NSTW bổ sung ngoài kế hoạch được giao																			
- Nguồn vốn...																			
- Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực)...																			
Dự án...																			

**Ghi chú:**

1. Sở Tài chính báo cáo ngành, lĩnh vực theo đúng thứ tự quy định tại Điều 3 Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016.
2. Đối với báo cáo của Sở Tài chính gửi Bộ Tài chính, cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp trung ương theo quy định của điểm d khoản 1 Điều 5 Thông tư này thì bỏ phần xác nhận của Lãnh đạo cơ quan kiểm soát, thanh toán cùng cấp.
3. Vốn ngân sách trung ương bổ sung ngoài kế hoạch được giao là vốn bổ sung từ nguồn dự phòng, tăng thu...

.... ngày... tháng... năm ...  
**LÃNH ĐẠO CƠ QUAN KIỂM SOÁT,  
 THANH TOÁN CẤP CÙNG CẤP**  
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

.... ngày... tháng... năm...  
**LÃNH ĐẠO CƠ QUAN BÁO CÁO**  
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số 01/QTND

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**CHỦ ĐẦU TƯ**

**BÁO CÁO QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO NĂM NGÂN SÁCH ...**

(Kèm theo công văn số... ngày... tháng... năm... của...)

Đơn vị tính đồng

STT	Nội dung	Địa điểm mở tài khoản	Mã dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán	Số vốn thành lập trong năm quyết toán	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn kế hoạch tiếp tục được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau quyết toán (nếu có)	Vốn còn lại chưa giải ngân sang năm sau quyết toán (nếu có)	Giải ngân	Vốn kế hoạch tiếp tục được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau quyết toán (nếu có)	Số vốn còn lại chưa giải ngân huy bỏ (nếu có)	Vốn kế hoạch được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau quyết toán (nếu có)	Số vốn còn lại chưa giải ngân huy bỏ (nếu có)	Tổng số vốn đã thanh toán khối lượng hoàn thành được quyết toán trong năm	Lũy kế theo chế độ chưa hết năm công quyết chuyên sang các năm sau	Lũy kế theo chế độ chưa hết năm công quyết chuyên sang các năm sau						
																		Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng	Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=12+13	12	13	14	15=10-11-14	16	17=18+19	18	19	20	21=16-17-20	22=9+12+18	23=7-8-9+13+19	24=6-8+11+17
<b>TỔNG SỐ</b>																							
<i>Vốn trong nước</i>																							
<i>Vốn nước ngoài, trong đó:</i>																							
- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																							
- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																							
1	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực)...																						
2	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực)...																						
A.1	Các dự án thuộc kế hoạch năm 20...:																						





II	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia																					
	Vốn trong nước																					
	Vốn nước ngoài, trong đó:																					
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																					
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																					
1	Chương trình mục tiêu quốc gia.																					
	Dự án...																					
	Vốn trong nước																					
	Vốn nước ngoài, trong đó:																					
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																					
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																					
2	Chương trình mục tiêu quốc gia.																					

**Ghi chú:**

- Chủ đầu tư báo cáo ngành, lĩnh vực theo đúng thứ tự quy định tại Điều 3 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016  
.... ngày... tháng... năm ...

**LÃNH ĐẠO CƠ QUAN KIỂM SOÁT,  
THANH TOÁN NƠI GIAO DỊCH**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

..., ngày... tháng... năm ...  
**ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

**Mẫu số 02/QTND**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**CHỦ ĐẦU TƯ**

-----

**THỰC HIỆN VỐN ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN QUAN TRỌNG QUỐC GIA SỬ DỤNG  
VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC  
(DO QUỐC HỘI QUYẾT ĐỊNH)  
NĂM...**

(Kèm theo công văn số... ngày... tháng... năm ... của..)

Đơn vị:

đồng

STT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư được duyệt (lấy theo giá trị điều chỉnh cuối cùng)	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến hết ngày 31/12 năm quyết toán	Lũy kế kế hoạch đã bố trí đến hết ngày 31/12 năm quyết toán	Kế hoạch năm ...	Vốn đã giải ngân theo kế hoạch năm...			So sánh thực hiện/kế hoạch (%)
							Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	
1	2	3	4	5	6	7	8=9+10	9	10	11=8/7
	<b>TỔNG SỐ</b>									
1	Dự án...									
2	Dự án...									

..., ngày... tháng... năm...

**ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)





**4. Lĩnh vực tài sản công: Thủ tục “Thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh theo Thông tư số 58/2016/TT-BTC, Thông tư 68/2022/TT-BTC (xây dựng thủ tục ở bước Sở Tài chính có Báo cáo thẩm định KHLCNT)”**

**a) Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** Sau khi có Quyết định mua sắm được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt, đơn vị được mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ thực hiện lập Tờ trình đề nghị phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu (*kèm theo 01 bộ hồ sơ đầy đủ theo quy định*) gửi Sở Tài chính thẩm định qua hồ sơ công việc hoặc gửi trực tiếp đến bộ phận Văn thư của Sở;

**Bước 2:** Hồ sơ sau khi tiếp nhận được chuyển Phòng Quản lý Giá - Công sản tiến hành xem xét, thẩm định;

**Bước 3:** Phòng Quản lý Giá - Công sản lập báo cáo thẩm định theo nhiệm vụ được phân công và tham mưu Lãnh đạo Sở ký ban hành Báo cáo thẩm định.

\* Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

**b) Cách thức thực hiện:** Sau khi các đơn vị gửi đảm bảo đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định, Sở Tài chính (Phòng Quản lý Giá - Công sản) tiếp nhận hồ sơ và tiến hành xem xét, thẩm định.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Mẫu số 01 Thông tư 10/2015/TT-BKHĐT.

+ Hồ sơ kèm theo: Quy định tại khoản 1, 3, 4, 6 Điều 10 và Điều 12 Thông tư 58/2016/TT-BTC; khoản 6 Điều 1 Thông tư số 68/2022/TT-BTC.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**d) Thời hạn giải quyết:** Tối đa là 20 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định nhận được đầy đủ hồ sơ trình duyệt đến ngày gửi báo cáo thẩm định đến Chủ tịch UBND tỉnh (khoản 7 Điều 6 Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT).

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Các sở, cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh; các đơn vị dự toán ngân sách cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài chính

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Sở Tài chính.

**h) Phí, lệ phí:** Không có

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Văn bản trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Mẫu số 01 Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;
- Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;
- Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;
- Căn cứ Thông tư 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;
- Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội- nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp; Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11/11/2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính;
- Căn cứ Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định sửa đổi một số Điều của Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước.

**Mẫu số 1. Mẫu văn bản trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu****[TÊN CƠ QUAN  
CHỦ ĐẦU TƯ]****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

Bình Phước, ngày tháng năm

**TỜ TRÌNH****Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu****dự án:** \_\_\_ [ghi tên dự án]

Kính gửi: \_\_\_ [ghi tên người có thẩm quyền]

Căn cứ \_\_\_ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013];

Căn cứ \_\_\_ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];

Căn cứ \_\_\_ [ghi số, thời gian phê duyệt và nội dung văn bản là căn cứ để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu, bao gồm:

- Quyết định phê duyệt dự án hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và các tài liệu có liên quan;

- Quyết định phê duyệt thiết kế, dự toán (nếu có);

- Quyết định phân bổ vốn, giao vốn cho dự án;

- Điều ước quốc tế thỏa thuận quốc tế đối với các dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi;

- Các văn bản pháp lý liên quan].

[Ghi tên chủ đầu tư] trình [ghi tên người có thẩm quyền] xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu trên cơ sở những nội dung dưới đây:

**I. Mô tả tóm tắt dự án**

Phần này giới thiệu khái quát thông tin về dự án như sau:

- Tên dự án;
- Tổng mức đầu tư;
- Tên chủ đầu tư;
- Nguồn vốn;
- Thời gian thực hiện dự án;
- Địa điểm, quy mô dự án;
- Các thông tin khác (nếu có).

**II. Phần công việc đã thực hiện****Bảng số 1**

STT	Nội dung công việc hoặc tên gói thầu <sup>(1)</sup>	Đơn vị thực hiện <sup>(2)</sup>	Giá trị <sup>(3)</sup>	Văn bản phê duyệt <sup>(4)</sup>
1				
2				
...				
<b>Tổng giá trị [kết chuyển sang Bảng số 5]</b>				

Ghi chú:

(1) Ghi tóm tắt nội dung công việc hoặc tên các gói thầu đã thực hiện.

(2) Ghi cụ thể tên đơn vị thực hiện.

(3) Ghi giá trị của phần công việc, ghi cụ thể đồng tiền.

(4) Ghi tên văn bản phê duyệt (Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, Quyết định giao việc,...).

### III. Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu

**Bảng số 2**

STT	Nội dung công việc <sup>(1)</sup>	Đơn vị thực hiện <sup>(2)</sup>	Giá trị <sup>(3)</sup>
1			
2			
...			
<b>Tổng giá trị thực hiện [kết chuyển sang Bảng số 5]</b>			

Ghi chú:

(1) Mô tả tóm tắt nội dung công việc và không bao gồm phần công việc đã kê tại Bảng 1.

(2) Ghi cụ thể tên đơn vị thực hiện (nếu có).

(3) Ghi giá trị của phần công việc; ghi cụ thể đồng tiền.

### IV. Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu

#### 1. Bảng tổng hợp phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

[Chủ đầu tư điền các nội dung cụ thể của gói thầu trong Bảng số 3 theo hướng dẫn quy định tại Điều 5 Thông tư này].

**Bảng số 3**

STT	Tên gói thầu	Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1								
2								
...								
<b>Tổng giá gói thầu [kết chuyển sang Bảng số 5]</b>								

#### 2. Giải trình nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

Trong Mục này cần giải trình các nội dung tại **Bảng số 3**, cụ thể như sau:

a) Cơ sở phân chia các gói thầu: \_\_\_[giải trình cơ sở phân chia dự án thành các gói thầu. Việc phân chia dự án thành các gói thầu phải căn cứ vào nội dung dự án, tính chất của công việc, trình tự thực hiện theo thời gian và theo các nguyên tắc sau:

+ Đảm bảo tính đồng bộ về mặt kỹ thuật và công nghệ của dự án, không được chia những công việc của dự án thành các gói thầu quá nhỏ, làm mất sự thống nhất, đồng bộ về kỹ thuật và công nghệ;

+ Đảm bảo tiến độ thực hiện dự án;

+ Đảm bảo quy mô hợp lý (phù hợp với điều kiện của dự án, năng lực của nhà thầu hiện tại và phù hợp với sự phát triển của thị trường trong nước...);

Việc chia dự án thành các gói thầu trái với quy định để thực hiện chỉ định thầu hoặc tạo cơ hội cho số ít nhà thầu tham gia là không phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu].

b) Giá gói thầu;

c) Nguồn vốn;

d) Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu;

đ) Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu;

e) Loại hợp đồng;

g) Thời gian thực hiện hợp đồng.

### V. Phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có)

**Bảng số 4**

STT	Nội dung	Giá trị
-----	----------	---------

1		
2		
3		
...		
n		
<b>Tổng giá trị các phần công việc [kết chuyển sang Bảng số 5]</b>		

**VI. Tổng giá trị các phần công việc****Bảng số 5**

STT	Nội dung	Giá trị
1	Tổng giá trị phần công việc đã thực hiện	
2	Tổng giá trị phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu	
3	Tổng giá trị phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu	
4	Tổng giá trị phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có)	
<b>Tổng giá trị các phần công việc</b>		
<b>Tổng mức đầu tư của dự án</b>		<i>[ghi tổng mức đầu tư của dự án]</i>

**VII. Kiến nghị**

Trên cơ sở những nội dung phân tích nêu trên, *[ghi tên chủ đầu tư]* đề nghị *[ghi tên người có thẩm quyền]* xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: *\_\_[ghi tên dự án]*.

Kính trình *[ghi tên người có thẩm quyền]* xem xét, quyết định./.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Tô chức thẩm định;
- Lưu VT.

**PHỤ LỤC TỜ TRÌNH**  
*(Kèm theo Tờ trình số \_\_\_ ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm )*  
**BẢNG TÀI LIỆU KÈM THEO VĂN BẢN TRÌNH DUYỆT**

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Ghi chú</b>
1	<i>Quyết định số ___ của ___ về việc phê duyệt dự án</i>	<i>Bản chụp</i>
2	<i>Quyết định số ___ của ___ về việc phê duyệt dự toán</i>	<i>Bản chụp</i>
	<i>Các văn bản phê duyệt tại <b>Bảng số 1</b></i>	<i>Bản chụp</i>
...		
<i>n</i>		

-----oOo-----